

# CHẾ ĐỊNH CÔNG TY HỢP VỐN CỔ PHẦN Ở CHÂU ÂU VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Nguyễn Văn Lâm\*

**Tóm tắt:** Công ty hợp vốn cổ phần (CTHVCP) là loại hình được pháp luật của nhiều các quốc gia châu Âu như Đức, Pháp, Italia, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Luxembourg... ghi nhận và điều chỉnh. Loại hình công ty này là kết hợp linh hoạt vừa có tính phân chia, vừa có tính liên kết giữa hai loại chế độ chịu trách nhiệm là vô hạn và hữu hạn của các chủ sở hữu, góp phần làm đa dạng các loại hình công ty để các nhà đầu tư lựa chọn. Bài viết phân tích chế định CTHVCP trong pháp luật của một số quốc gia châu Âu, từ đó gợi mở những vấn đề, nhu cầu bổ sung vào quy định luật doanh nghiệp (LDN) hiện hành của Việt Nam.

**Từ khóa:** Công ty hợp vốn cổ phần, Pháp luật các nước châu Âu, Luật Doanh nghiệp

**Abstract:** Limited Partnership by Shares (LPS) is a type recognized and regulated by the laws of many European countries such as Germany, France, Italy, Spain, Portugal, Luxembourg, etc. This type of company is a flexible combination of both division and linkage between the two types of liability regimes, which are unlimited and limited by the owners, contributing to the diversity of types of corporations. company for investors to choose from. The following article analyzes the regulations of LPS in the laws of some European countries, thereby suggesting additional issues and needs in the regulations of Vietnam's Law on Enterprises.

**Keywords:** Limited Partnership by Shares, Laws of European countries, Law on Enterprise

## 1. Khái quát về chế định CTHVCP trong pháp luật các nước châu Âu

Về nguyên tắc, việc tạo lập công ty trên cơ sở ý chí của những nhà đầu tư khi lựa chọn các loại hình công ty theo quy định trong pháp luật phải phù hợp với thực tế kinh doanh. Vì vậy, pháp luật phải thừa nhận càng đa dạng các loại hình công ty thì các nhà đầu tư càng có nhiều lựa chọn, qua đó quyền tự do kinh doanh

được đảm bảo tốt hơn. Các loại hình công ty được hình thành dựa trên các yếu tố như: chế độ trách nhiệm, quan hệ giữa các thành viên, huy động vốn, tư cách pháp nhân, vấn đề sở hữu. Trên cơ sở ba loại hình công ty cơ bản là công ty hợp danh (CTHD), công ty hợp vốn đơn giản (CTHVĐG), công ty cổ phần (CTCP), các loại hình thức công ty mới khác ra đời là sự kết hợp các yếu tố, đặc điểm nổi bật của ba hình thức công ty này, minh chứng là CTHVCP.

\* TS., Viện Kinh tế và Quản lý, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

Nhận bài ngày: 2/5/2022

Phản biện xong: 26/5/2022

Chấp nhận đăng: 9/6/2022

Mặc dù tại mỗi nước châu Âu, CTHVCP có tên gọi khác nhau, nhưng khái niệm và bản chất đều được quy định có sự tương đồng nhau, theo đó: “CTHVCP là loại hình doanh

*nghiệp, trong đó: i) bao gồm ít nhất một thành viên hợp danh có tư cách thương nhân, chịu trách nhiệm vô hạn, liên đới về các khoản nợ của công ty và ít nhất ba (03) thành viên góp vốn chịu trách nhiệm trong phạm vi giá trị cổ phần của mình sở hữu; ii) Vốn điều lệ được chia ra thành các phần bằng nhau; iii) Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được đăng ký thành lập; iv) Công ty có quyền phát hành cổ phiếu để huy động vốn” (Nguyễn Văn Lâm, 2020).*

Theo đó, loại hình CTHVCP phải có ít nhất một thành viên hợp danh là người quản lý công ty và chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ của công ty. Ngoài thành viên hợp danh, công ty phải có ít nhất 1 cổ đông (thành viên góp vốn) chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số cổ phần mà họ sở hữu. Các cổ đông này có quyền và nghĩa vụ tương tự như cổ đông CTCP là được hưởng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của công ty... Tuy vậy, họ không được quyền tham gia vào hoạt động quản lý và không được đại diện nhân danh công ty.

CTHVCP được pháp luật các nước quy định từ rất sớm. Cho đến nay, loại hình công ty này vẫn được rất nhiều quốc gia ghi nhận và quy định để các nhà đầu tư lựa chọn. Điển hình như quy định loại hình CTHVCP trong pháp luật một số quốc gia châu Âu như:

### **1.1. Theo pháp luật của Pháp**

CTHVCP (Société en Commandite par Actions - SCA) là hình thức rất được thịnh hành vào khoảng thời gian từ 1807 đến 1905 ở Pháp và tạo nên “con sốt” vào thời bấy giờ. Điều này đặc biệt là do những quy định không mang tính khắt khe của nó. Và chính tính tự do và hài hòa trong tổ chức và hoạt động của loại hình này mà người Mỹ

đã học hỏi để tạo nên loại hình limited partnership của họ (Lê Minh Phiếu, 2006).

Theo quy định của Pháp, có hai loại hình CTCP gồm công ty vô danh và công ty góp vốn cổ phần. Trong đó, CTHVCP giống CTHVĐG ở chỗ có hai loại thành viên: thành viên nhận vốn chịu trách nhiệm vô hạn trên tài sản của chính họ, và các thành viên xuất vốn chỉ chịu trách nhiệm trên phần vốn góp của họ, nhưng các cổ phần thì như trong các công ty vô danh, có thể tự do chuyển nhượng (Luu Văn Đạt, 1993).

CTHVCP được quy định từ Điều L. 226-1 đến Điều L226-24 trong Bộ luật thương mại Pháp. Theo đó, *CTHVCP là công ty có vốn được chia thành các cổ phần, được thành lập bởi một hoặc nhiều thành viên hợp danh, thành viên này có tư cách thương nhân và chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới đối với nghĩa vụ trả nợ của công ty, và thành viên hợp vốn có tư cách của các cổ đông và chịu thiệt hại chỉ trong phạm vi vốn góp của họ. Số lượng thành viên hợp vốn không được ít hơn ba thành viên (điều L.226-1)*

Đối với loại hình CTHVCP, luật dành rất nhiều sự tự do cho các bên. Ngoài công dụng như CTHVĐG là tạo một kênh cho sự gặp nhau giữa vốn - được góp bởi thành viên hợp vốn và ý tưởng - được góp bởi thành viên hợp danh, CTHVCP còn có những lợi thế quan trọng hơn từ quy chế CTCP của mình và do vậy, nó có thể phát hành chứng khoán (Lê Minh Phiếu, 2006).

Theo Luật thương mại Pháp, CTHVCP là một công ty cho phép hợp tác giữa những nhà kinh doanh (thành viên hợp danh) và nhà đầu tư (thành viên hợp vốn). Theo đó, có hai loại thành viên bao gồm: i) Thành viên hợp danh (thành viên nhận vốn) có tư cách

thương nhân, chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới với các thành viên nhận vốn khác. Số lượng thành viên hợp danh tối thiểu là một thành viên; ii) Thành viên hợp vốn (thành viên xuất vốn) chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn góp vào công ty với những nghĩa vụ tài chính của công ty. Thành viên hợp vốn không được tham gia quản lý công ty và không được nhân danh công ty tham gia các giao dịch với bên thứ ba (điều L.226-2-9).

Cơ cấu tổ chức của CTHVCP ở Pháp bao gồm: Đại hội đồng thành viên, Giám đốc, Hội đồng giám sát.

Vốn điều lệ của công ty được chia thành các cổ phần bằng nhau và được quyền phát hành rộng rãi (giống như CTCP). Những quyền của các thành viên góp vốn không phải được đại diện bằng phần vốn góp, mà là bằng cổ phần. Các thành viên hợp vốn là những cổ đông và được hưởng những thuận lợi về chuyển nhượng vốn tương tự như cổ đông. CTHVCP có thể huy động vốn dễ dàng hơn, nhờ vào việc phát hành cổ phiếu và trái phiếu. (Lê Minh Phiếu, 2006)

### ***1.2. Theo pháp luật của Đức***

Ở Đức, CTHVCP (Kommanditgesellschaft auf Aktien (KGaA)) xuất hiện vào thế kỷ XIX, trước khi được Bộ luật Thương mại Đức ban hành năm 1861. Theo đó, CTHVCP “là một công ty đại chúng trong một phiên bản đầu tiên của Bộ luật Thương mại Đức và được coi là có tư cách pháp nhân” (Frank Wooldridge, 2010).

Khoản 1 điều 278 Luật CTCP Đức đưa ra khái niệm: *CTHVCP là một loại hình công ty có tư cách pháp nhân kể từ khi được thành lập, trong đó ít nhất một thành viên chịu trách nhiệm vô hạn đối với các chủ nợ của*

*công ty (thành viên hợp danh) và các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nghĩa vụ của công ty (cổ đông hạn chế) trong phạm vi số cổ phần mà họ sở hữu.*

Hiện nay, CTHVCP được quy định cụ thể từ điều 278 đến điều 290 của Luật CTCP Đức có hiệu lực ngày 06 tháng 9 năm 1965. Phần lớn những vấn đề của CTHVCP được áp dụng các quy định của Luật CTCP Đức (quy định những vấn đề cơ bản về CTCP như: thành lập, tổ chức quản lý, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông...), ngoài ra, còn áp dụng một phần các quy định về CTHVĐG. Việc phát hành cổ phần để huy động vốn của công chúng được tuân theo các quy định của pháp luật chứng khoán.

Loại hình KGaA là sự kết hợp cấu trúc của CTCP và CTHVĐG, giữa những thỏa thuận mang tính kinh doanh, vai trò, vị trí của trách nhiệm cá nhân của cổ đông và đặc tính về cơ cấu tổ chức, nguồn vốn của một CTCP đại chúng. Ưu điểm của CTHVCP là quyền được phát hành cổ phần để huy động vốn theo quy định của Luật chứng khoán Đức.

Về đặc điểm pháp lý của CTHVCP trong pháp luật Đức có thể được thể hiện thông qua các loại thành viên và vốn điều lệ của công ty: “*CTHVCP phải có ít nhất một thành viên hợp danh là người quản lý công ty và chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ của công ty. Ngoài thành viên hợp danh, công ty phải có ít nhất 1 cổ đông (thành viên góp vốn). Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số cổ phần mà họ sở hữu. Các cổ đông này có quyền và nghĩa vụ tương tự như cổ đông công ty cổ phần là được hưởng lợi nhuận từ*

*hoạt động kinh doanh của công ty. Tuy vậy, họ không được quyền quản lý công ty”* (Dieter Beinert, 2009).

Trách nhiệm vô hạn của thành viên hợp danh có thể tăng độ tin cậy về tín dụng và gắn bó cá nhân với công ty hơn (Friedrich Kubler, Jurgen Simon, 2002). Trong công ty, các mối quan hệ pháp lý giữa các thành viên hợp danh và đối với các cổ đông và các bên thứ ba, đặc biệt là thẩm quyền của thành viên hợp danh trong việc quản lý kinh doanh và đại diện cho công ty sẽ bị chi phối bởi các quy định của Bộ luật Thương mại liên quan đến công ty hợp vốn đơn giản.

Cơ cấu tổ chức của CTHVCP ở Đức bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Giám đốc, Ban giám sát.

### **1.3. Theo pháp luật của Italia**

Ở Italia, CTHVCP (Società in Accomandita per Azioni, in brief “SAPA”) là loại hình công ty được điều chỉnh dưới các quy định từ điều 2452 đến 2462 Bộ luật Dân sự 1942 và các quy định này không thay đổi đáng kể sau khi cải cách chung năm 2003. Theo đó, CTHVCP *“không giống như một hợp danh hữu hạn, trong công ty này vốn được chia thành các cổ phần: phần vốn nắm giữ của các thành viên được đại diện bởi cổ phần”* (Rolandino Guidotti, 2013).

CTHVCP được mô tả bằng sự hiện diện của hai loại cổ đông: Các thành viên hợp danh thường, là những người chịu trách nhiệm vô hạn, liên đới với trách nhiệm của công ty và cũng là giám đốc của công ty. Các thành viên hợp danh hữu hạn có trách nhiệm về nghĩa vụ của công ty chỉ trong phạm vi giới hạn của giá trị vốn đã ghi và không thể là giám đốc của công ty (Andreas

Cahn, 2010).

Trong công ty có hai loại thành viên: *Hợp danh thường hoặc hợp danh quản lý (General Partners or Managing Partners):* chịu trách nhiệm cá nhân vô hạn và liên đới đối với các khoản nợ của công ty; *Hợp danh đặc biệt hoặc hợp danh hữu hạn (Special Partners or Limited Partners):* chịu trách nhiệm trong phạm vi giới hạn của phần vốn đã đăng ký (Điều 2452 BLDS Italia).

Cơ cấu tổ chức nội bộ bao gồm: đại hội đồng cổ đông, giám đốc và kiểm toán viên theo quy định của luật.

Về nguyên tắc, CTHVCP cũng tương tự như một công ty hợp danh hữu hạn. Sự khác biệt chính là việc vốn góp trong CTHVCP được thể hiện bằng vốn cổ phần, khác với một công ty hợp danh hữu hạn mà trong đó các đối tác nắm giữ phần vốn góp và không chia thành cổ phần (Enrico Furia, 2006).

### **1.4. Theo pháp luật của Luxembourg**

Ở Luxembourg, CTHVCP (Société en commandite par actions, SCA) là một công ty thể hiện các đặc tính của một công ty hợp danh. Loại hình SCA bao gồm ít nhất hai loại cổ đông, cụ thể là một cổ đông chịu trách nhiệm pháp lý vô hạn (thành viên hợp danh) và một cổ đông có trách nhiệm hữu hạn, chịu trách nhiệm pháp lý đối với các khoản nợ của công ty (SCA) chỉ trong phạm vi tương ứng với khoản đóng góp của mình.

Trong trường hợp không có quy định khác, các điều khoản về Công ty trách nhiệm hữu hạn (PLC, Corp./SA) tại Luxembourg cũng áp dụng đối với CTHVCP.

CTHVCP được thành lập thông qua việc ghi nhận trong điều lệ của công ty bởi một công chứng viên, cũng như đăng ký vào Sổ

đăng ký Thương mại và Công ty. Có ít nhất một cổ đông chịu trách nhiệm cá nhân (thành viên hợp danh) và phải bắt buộc được ghi danh trong điều lệ của công ty. Tên công ty chỉ được phép có tên của một hoặc nhiều hơn một trong số các cổ đông chịu trách nhiệm cá nhân.

Ngoài pháp luật các nước được khảo lược trên đây, pháp luật các nước châu Âu khác thuộc khối EU cũng có những quy định về loại hình CTHVCP. Các quy định tuy có tính đặc thù ở mỗi quốc gia, nhưng đều đồng nhất những đặc điểm pháp lý cơ bản. Sự tương đồng trong pháp luật về CTHVCP ở các nước châu Âu nhằm tạo điều kiện cho loại hình công ty này có thể phát triển tự do trong khu vực.

Như vậy, có thể thấy rằng CTHVCP được pháp luật các nước quy định từ rất sớm, và cho đến nay, loại hình công ty này được pháp luật của nhiều các quốc gia ghi nhận và quy định để các nhà đầu tư lựa chọn.

## **2. Kinh nghiệm pháp luật các nước và những gợi ý cho pháp luật Việt Nam**

### **2.1. Chế định CTHVCP trong lịch sử pháp luật Việt Nam**

Việc xây dựng chế định về CTHVCP là tạo ra một loại hình doanh nghiệp mới, hấp dẫn để các nhà đầu tư có thể lựa chọn. Tạo cơ sở pháp lý cho lựa chọn loại hình công ty này để thành lập và phát triển trong môi trường pháp lý bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh. Những quy định pháp luật phải ghi nhận và tạo điều kiện để những nguyên tắc cơ bản của nền kinh tế thị trường phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Pháp luật công ty “là nền tảng pháp lý cho quá trình thành lập, tổ chức và hoạt động của các công ty. Chính vì thế, pháp luật của các quốc gia trên thế

*giới đều ghi nhận nhiều mô hình tổ chức kinh doanh, đặc biệt nhiều loại hình công ty cho các nhà đầu tư lựa chọn”* (Bùi Xuân Hải, 2016). Việc bổ sung quy định loại hình CTHVCP trong pháp luật mang lại nhiều ý nghĩa trong thực tiễn đời sống kinh doanh hiện nay ở Việt Nam.

Pháp luật công ty châu Âu đã được người Pháp du nhập vào Việt Nam từ cuối thế kỷ 19 và nửa đầu thế kỷ 20. Vì thế, pháp luật Việt Nam đã bị ảnh hưởng rất lớn bởi mô hình luật công ty châu Âu. Luật Thương mại Pháp được áp dụng trên từng vùng lãnh thổ khác nhau của Việt Nam. Các hình thức công ty như trong Luật Thương mại của Pháp đã xuất hiện trong các Bộ luật thời Pháp thuộc như Dân luật thi hành tại các tòa án Nam Bắc kỳ 1931 và BLDS Trung kỳ, Bộ luật Thương mại Trung Kỳ 1942. Những quy định về công ty ở Việt Nam trong giai đoạn này đều được coi là “*những bản sao của luật công ty Pháp*” (Bui Xuan Hai & Gordon Walker, 2005). Cụ thể, chế định về CTHVCP trong pháp luật Việt Nam được quy định trong các văn bản pháp luật sau:

Dân luật Bắc Kỳ 1931 chia các hội buôn thành hai loại: *Hội người* là do ở lòng tin cậy của các hội viên đối lẫn với nhau mà lập ra. Khi toàn thể các hội viên khác không đồng tình ưng thuận thì một hội viên không thể nhường phần cho đệ tam nhân được. Hội người gồm: *Hội hợp danh (CTHD)*, *hội hợp tư (CTHVĐG)* và *hội đồng lợi*. *Hội vốn* là hội không xét đến người, các hội viên có thể tự do nhường phần của mình. Hội góp vốn bao gồm: *hội vô danh (CTCP)* và *hội hợp cổ (CTHVCP)*. Bộ luật đưa ra khái niệm bằng cách liệt kê các đặc điểm pháp lý nổi bật khi quy định: “*Trong hội hợp cổ, thì các cổ đông*

*là phải xuất vốn, chỉ phải chịu trách nhiệm đến ngang phần vốn của mình mà thôi, còn những hội viên thụ tư thì phải đem tất cả tài sản mình mà cùng nhau chịu trách nhiệm liên đới về cả công nợ của hội”* (Điều 1265). *“Vốn hội chia làm nhiều phần gọi là cổ phần”* (Điều 1267). Tại thời điểm đó, sự thuận lợi khi thành lập CTHVCP khi *“người ta chỉ cần một người đóng vai xuất tư là có thể tự do lập một công ty đối vốn, khỏi cần xin phép, khỏi cần đợi đến khi được cấp giấy phép mới hoạt động được”* (Lê Tài Triển, 1972).

Bộ luật Thương mại Trung kỳ 1942 cũng quy định loại hình hội này, theo đó, tại điều 102 quy định những công ty đối vốn gồm có công ty vô danh và công ty cấp vốn cổ phần. Đến Bộ luật Thương mại Sài Gòn 1972 có hiệu lực, thì hội hợp tư cổ phần tiếp tục được ghi nhận từ điều 236 đến điều 294. Theo nội dung của Bộ luật, những hội cổ phần được chia làm hai loại: Hội hợp tư cổ phần (CTHVCP và hội nặc danh). Bộ luật Thương mại Sài Gòn 1972 quy định: *“Hội hợp tư cổ phần gồm có một hay nhiều hội viên thụ tư liên đới chịu trách nhiệm vô hạn về mọi trái khoản của hội và những hội viên xuất tư chỉ chịu trách nhiệm trong giới hạn phần hùn của mình dưới hình thức cổ phần”* (Điều 236). Như vậy, hội hợp tư cổ phần có tối thiểu một hội viên thụ tư (thành viên hợp danh), hội viên này chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ đối với các khoản nợ của hội. Tổ chức quản trị nội bộ hội hợp tư cổ phần bao gồm: *Đại hội đồng cổ đông, Người quản lý, Hội đồng giám thị.*

Tuy có tên gọi khác nhau nhưng các quy định pháp luật đã có ở Việt Nam đều thể hiện bản chất đặc trưng của loại hình CTHVCP

được quy định trong pháp luật của Pháp và các nước châu Âu.

Sau khi giải phóng đất nước năm 1975, cả nước xây dựng nền kinh tế mà Nhà nước kiểm soát toàn bộ các yếu tố sản xuất và giữ quyền quyết định việc sử dụng các yếu tố sản xuất cũng như phân phối về thu nhập. Trong một nền kinh tế tập trung - kế hoạch hóa gồm hai thành phần kinh tế chủ yếu là quốc doanh và tập thể. *“Chỉ có tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa (quốc doanh, tập thể) mới được phép kinh doanh, còn các thành phần kinh tế khác thì bị hạn chế và cấm đoán”* (Bùi Ngọc Cường, 2004). Do đó, các loại hình công ty không phát triển, nhà nước không ban hành LDN.

Tại Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1986, Việt Nam bắt đầu thực hiện công cuộc đổi mới, theo đó *“xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước đã tạo điều kiện cho các công ty ra đời”* (Khoa Luật – ĐHQGHN, 2001). Các Luật công ty 1990 đến Luật Doanh nghiệp (LDN) 1999 lần lượt được ban hành, tạo cơ sở pháp lý cho các loại hình công ty ra đời và phát triển. Tuy vậy, các đạo luật này được thiết lập bằng ý chí chủ quan của nhà làm luật, mà chưa thực sự xuất phát từ nhu cầu thực tiễn kinh doanh. Bằng chứng là Luật Công ty 1990 chỉ quy định hai loại hình công ty là CTCP và công ty trách nhiệm hữu hạn (CT TNHH). Đến LDN 1999, quy định loại hình CT TNHH thành hai loại một thành viên và hai thành viên trở lên, bổ sung thêm hai loại hình là CTHD và DNTN. Tuy nhiên, CT TNHH một thành viên chỉ cho phép tổ chức có quyền thành lập, cá nhân không được thành lập. Đến LDN 2005, cho phép cá nhân, tổ chức có quyền thành lập

CTTNHH một thành viên. Loại hình CTHD ban đầu cũng chỉ được quy định sơ sài bằng 4 điều trong LDN 1999. Đến nay, chế định về CTHD vẫn chưa phản ánh được bản chất của loại hình công ty này khi nhà làm luật cố gán ghép chung hai loại hình CTHD và CTHVĐG.

Đến nay, LDN hiện hành được ban hành năm 2020 vẫn giữ nguyên các loại hình doanh nghiệp này. Như vậy, sau khi nước ta thống nhất đất nước, loại hình CTHVCP không được Luật công ty và các LDN 1999, 2005, 2014, 2020 ghi nhận và điều chỉnh.

Trong những năm qua, quá trình hoàn thiện những quy định pháp luật về các loại hình doanh nghiệp đã tạo ra những thành tựu đáng kể cho nền kinh tế - xã hội. LDN đã được hoàn thiện đáp ứng gần hơn với những nhu cầu của đời sống thực tiễn. Bởi thực tiễn kinh doanh cho thấy rằng các loại hình công ty “*tự nó đã tạo được thế đứng vững chắc của mình trong hệ thống các doanh nghiệp ở Việt Nam và khẳng định vai trò không thể thiếu của nó trong sự phát triển nền kinh tế xã hội*” (Nguyễn Thị Thu Vân, 2008).

Tuy vậy có thể thấy rằng, việc quy định hạn chế các loại hình doanh nghiệp vừa không phù hợp với xu hướng hoàn thiện của pháp luật doanh nghiệp về mở rộng quyền tự do kinh doanh, vừa không phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế. Thực tiễn cho thấy, mỗi loại hình công ty đều mang lại các ưu nhược điểm cho các chủ sở hữu trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Loại hình CTHVCP không phải là mới, bởi nó được ra đời và phát triển ở nhiều nước châu Âu cuối thế kỷ 19 và du nhập vào Việt Nam ở đầu thế kỷ 20. Hiện nay, có nhiều

nước quy định loại hình công ty này trong pháp luật. Vì thế, việc tiếp nhận có chọn lọc kinh nghiệm xây dựng pháp luật của nước ngoài điều chỉnh loại hình CTHVCP để học hỏi và xây dựng các nội dung quy định vào LDN hiện hành là cần thiết, đáp ứng nhu cầu cả về lý luận và thực tiễn trong nền kinh tế chuyển đổi, hội nhập của Việt Nam.

## ***2.2. Kinh nghiệm pháp luật của một số nước Châu Âu và những gợi mở cho việc hoàn thiện chế định về CTHVCP ở Việt Nam***

Pháp luật của một số nước châu Âu điều chỉnh về CTHVCP được khảo lược trên đây đã gợi mở những kinh nghiệm và gợi ý những vấn đề cơ bản mang tính định hướng cho việc hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp hiện hành ở Việt Nam như:

*Thứ nhất, pháp luật đảm bảo quyền tự do kinh doanh ở khía cạnh mở rộng quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp.*

Pháp luật về các chủ thể kinh doanh là một phần rất quan trọng, thậm chí được xem là phần cơ bản nhất của pháp luật kinh tế. Một số chuyên gia còn so sánh pháp luật về các chủ thể kinh doanh trong pháp luật kinh tế có vị trí quan trọng như đối với các quy định pháp luật về thể nhân trong pháp luật về dân sự (Viện Nghiên cứu Kinh tế Trung ương, 2016).

Quyền tự do kinh doanh được xem là một bộ phận trong hệ thống các quyền của công dân, nó là lẽ tất yếu, là một giá trị tự thân của con người mà nhà nước thừa nhận và đảm bảo cho nó những điều kiện để thực hiện. Đảm bảo và mở rộng quyền tự do kinh doanh của công dân là một đòi hỏi, một nhu cầu của đời sống thực tiễn đối với pháp

luật trong nền kinh tế thị trường nhằm thúc đẩy các chủ thể tham gia hoạt động kinh tế.

Trong các quyền tự do kinh doanh, thì quyền tự do lựa chọn các loại hình doanh nghiệp là một nội dung cơ bản, tiền đề để công dân có thể tự do lựa chọn đa dạng các loại hình doanh nghiệp. Theo đó, pháp luật phải thừa nhận đa dạng loại hình doanh nghiệp để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư lựa chọn một mô hình kinh doanh thích hợp.

*Thứ hai, cần thay đổi tinh thần, định hướng xây dựng pháp luật về doanh nghiệp.*

Pháp luật chỉ nên ghi nhận và đảm bảo thực hiện các quyền tự do kinh doanh của công dân, thay vì quy định cứng nhắc, mang tính áp đặt. Vì thế, cần rà soát, đánh giá tính hợp lý, minh bạch, khả thi và thống nhất của các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh (Mai Hồng Quý, 2012). Nhà nước có trách nhiệm cung cấp các công cụ bảo hộ cần thiết để người dân có thể thực hiện quyền tự do của mình (Phạm Duy Nghĩa, 2010).

Bảo đảm các quy định pháp luật doanh nghiệp không chỉ phải phù hợp với thực tiễn nền kinh tế, mà còn phải đảm bảo sự tương thích với pháp luật của các nước trên thế giới, vì đây là điều kiện quan trọng để thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hiện nay.

Theo pháp luật của Đức, các hình thức công ty được thiết lập phù hợp với nhu cầu đầu tư và kinh doanh đa dạng của cá nhân, tổ chức, tạo điều kiện và khuyến khích nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư kinh doanh, qua đó, thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế (Viện Nghiên cứu Kinh tế Trung ương, 2016).

Trong pháp luật của Pháp, mặc dù với số lượng rườm rà các điều khoản như vậy, pháp luật doanh nghiệp của Pháp không hề làm bó hẹp sự tự do của các nhà đầu tư cũng như của doanh nghiệp mà ngược lại, sự tự do và linh hoạt của các chủ thể kinh doanh được bảo vệ một cách cao nhất có thể. (Lê Minh Phiếu, 2006).

*Thứ ba, cần thiết phải khảo lược lịch sử pháp luật Việt Nam và học hỏi kinh nghiệm pháp luật quy định về loại hình CTHVCP để hoàn thiện LDN hiện hành.*

Trong lịch sử pháp luật Việt Nam, chế định về CTHVCP đã được quy định như một loại hình phổ biến trong xã hội. Các quy định trong pháp luật đã nêu đầy đủ về các vấn đề pháp lý của CTHVCP (dưới tên gọi hội cổ phần) phù hợp với xã hội thời bấy giờ. Vì vậy, việc nghiên cứu các quy định pháp luật trong quá khứ sẽ góp phần làm rõ hơn loại mô hình này, và đưa ra các gợi ý nhằm xây dựng chế định về CTHVCP bổ sung pháp luật hiện hành.

Bên cạnh đó, việc nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm, hoàn cảnh ra đời và ghi nhận của pháp luật các quốc gia là điều hết sức cần thiết và có ý nghĩa làm cơ sở, tiền đề cho những đề xuất, cho hoạt động xây dựng dự thảo, kiến nghị các chính sách liên quan pháp luật về các quy định về loại hình CTHVCP.

*Tóm lại,* việc xây dựng và bổ sung chế định CTHVCP trong LDN hiện hành sẽ vừa tạo ra cơ sở pháp lý cho sự ra đời của CTHVCP để nhà đầu tư lựa chọn thành lập, vừa góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật theo hướng đảm bảo và mở rộng quyền tự do lựa chọn thành lập các loại hình công



ty của nhà đầu tư. Nhà nước có vai trò nòng cốt trong nền kinh tế thị trường, “*một chủ thể với chức năng điều tiết và tạo thuận lợi có hiệu quả, khắc phục sự thất bại của thị trường, tạo một sân chơi bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp và cá nhân*” (Ngân hàng thế giới, 2017). Chính vì thế, “*pháp luật của các nước có nền kinh tế thị trường phát triển cũng như Việt Nam đều “thiết kế” hay “công nhận” nhiều mô hình tổ chức kinh doanh để các nhà kinh doanh lựa chọn*” (Bùi Xuân Hải, 2001). Ghi nhận đa dạng các loại hình tổ chức kinh doanh sẽ vừa đáp ứng các nhu cầu liên kết của nhà đầu tư vừa mang tính quy luật và cũng là đòi hỏi khác quan nhằm huy động một cách tốt nhất mọi nguồn lực để phát triển nền kinh tế - xã hội.

**Tài liệu tham khảo**

1. Dieter Beinert, Frank Burmeister, Herman-Josef Tries (2009), *Mergers and Acquisitions in Germany*, C.H.Beck München.
2. Andreas Cahn, David C.Donald (2010), *Comparative Company Law: Text and Cases on the Laws Governing Corporations in Germany, the UK and the USA*, Cambridge University Publishers.
3. Bùi Ngọc Cường (2004), *Một số vấn đề về quyền tự do kinh doanh trong pháp luật Việt Nam hiện hành*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Lưu Văn Đạt, Phạm Hữu Chi (1993) (dịch), *Nguyên lý và thực hành luật thương mại, luật kinh doanh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
5. Enrico Furia, *Introduction to Comparative US/EU Company Law*, [https://www.iimedu.org/thinktank/papers/WhitePaper\\_EU\\_Vs.US\\_ComparativeCompanyLaw.pdf](https://www.iimedu.org/thinktank/papers/WhitePaper_EU_Vs.US_ComparativeCompanyLaw.pdf)
6. Bui Xuan Hai & Gordon Walker (2005), “Transitional Adjustment Problems in Contemporary Vietnamese Company Law”, *Journal of International Banking Law and Regulation*, (20) (11).
7. Nguyễn Văn Lâm (2020), *Xây dựng chế định pháp luật về CTHVCP ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học tại Khoa Luật - ĐHQGHN.
8. Khoa Luật, ĐHQGHN (2001), *Giáo trình luật kinh tế Việt Nam* (tái bản lần thứ 3), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Ngân hàng thế giới, Chính phủ Australian (2017), *Vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế Việt Nam: Chương trình nghị sự đề xuất nhằm xây dựng một nhà nước kiến tạo để thúc đẩy một nền kinh tế cạnh tranh và hiệu quả hơn*, Hà Nội.
10. Phạm Duy Nghĩa (2010), *Giáo trình Luật Kinh tế*, Nhà xuất bản Công an nhân dân.
11. Lê Minh Phiếu (2006), “Các loại hình doanh nghiệp phổ biến ở Pháp”, *Tạp chí khoa học pháp lý*,(4) (35).
12. Mai Hồng Quỳnh, *Tự do kinh doanh và vấn đề bảo đảm quyền con người tại Việt Nam*, Nhà xuất bản Lao Động.
13. Lê Tài Triển, Nguyễn Vạng Thọ, Nguyễn Tân (1972), *Luật Thương mại Việt Nam diễn giải*, Quyền II, Sài Gòn.
14. Nguyễn Thị Thu Vân (2008), *Một số vấn đề về công ty và hoàn thiện pháp luật về công ty ở Việt Nam hiện nay*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
15. Viện Nghiên cứu Kinh tế Trung ương, Ủy ban Kinh tế, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, (2016), *Thế chế pháp luật kinh tế một số quốc gia trên thế giới* (sách chuyên khảo), Hà Nội.